

THÁNG 8 NĂM 2025

Ngày, giờ thống kê: 08h00 - 11/09/2025 (Theo 766/QĐ-TTg)

LOẠI:	Xuất sắc	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	TỔNG
Cấp tỉnh:	1	4	4	5	1	15
Cấp xã:	87	14	1	0	0	102

Tỷ lệ thanh toán trực tuyến:	Hoàn thành	Tỷ lệ % hoàn thành	Chưa hoàn thành	Tỷ lệ % chưa hoàn thành
Cấp tỉnh:	9	60	6	40
Cấp xã:	97	95,10	5	4,90

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết		Số hóa hồ sơ		Cung cấp dịch vụ trực tuyến		Thanh toán trực tuyến		Mức độ hài lòng		TỔNG	LOẠI	Mục tiêu của UBND tỉnh tối thiểu 60% trong tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (đánh giá theo tỷ lệ tại Cột 10)
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 = 1+3 +5+7 +9+11	14	15
I			CẤP TỈNH															
1	Tháng 8	H01.13	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	18	100	19,76	98,8	17,84	81,10	10	83,34	10	100	18	100,00	93,6	Xuất sắc	Hoàn thành
2	Tháng 8	H01.08	Thanh tra tỉnh An Giang	18	100	20	100	18,13	82,41	4	33,34	10	100	18	100,00	88,13	Tốt	Hoàn thành
3	Tháng 8	H01.03	Sở Nông nghiệp và Môi trường	18	100	16,96	84,8	15,53	70,60	10	83,34	6,67	66,7	17,65	98,06	84,81	Tốt	Hoàn thành
4	Tháng 8	H01.05	Sở Khoa học và Công nghệ	18	100	17,74	88,7	16,85	76,60	10	83,34	8,67	86,7	11,91	66,17	83,17	Tốt	Hoàn thành
5	Tháng 8	H01.04	Sở Văn hóa và Thể thao	18	100	18,31	91,55	16,02	72,82	10	83,34	2	20	18	100,00	82,33	Tốt	Chưa hoàn thành
6	Tháng 8	H01.09	Sở Xây dựng	18	100	16,17	80,85	14,14	64,28	10	83,34	9,5	95	11,39	63,28	79,2	Khá	Hoàn thành
7	Tháng 8	H01.10	Sở Y tế	18	100	16,51	82,55	13,3	60,46	10	83,34	9	90	11,5	63,89	78,31	Khá	Hoàn thành
8	Tháng 8	H01.01	Sở Nội vụ	18	100	18,03	90,15	16,05	72,96	10	83,34	2	20	12	66,67	76,08	Khá	Chưa hoàn thành
9	Tháng 8	H01.11	Sở Giáo dục và Đào tạo	18	100	15,41	77,05	16,81	76,41	10	83,34	2	20	11,14	61,89	73,36	Khá	Chưa hoàn thành
10	Tháng 8	H01.15	Sở Du lịch	3,5	19,45	20	100	15,45	70,23	6,02	50,17	6,43	64,3	18	100,00	69,4	Trung bình	Hoàn thành
11	Tháng 8	H01.07	Sở Dân tộc và Tôn giáo	18	100	3,08	15,4	14,34	65,19	10	83,34	10	100	13,03	72,39	68,45	Trung bình	Hoàn thành
12	Tháng 8	H01.06	Sở Công Thương	2,13	11,84	15,63	78,15	16,95	77,05	5,27	43,92	5,19	51,9	17,21	95,62	62,38	Trung bình	Chưa hoàn thành
13	Tháng 8	H01.16	Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc	0,49	2,73	18,09	90,45	14,78	67,19	4,26	35,50	2	20	18	100,00	57,62	Trung bình	Chưa hoàn thành
14	Tháng 8	H01.12	Sở Tư pháp	0,39	2,17	13,21	66,05	15,8	71,82	4,21	35,09	8,34	83,4	10,4	57,78	52,35	Trung bình	Hoàn thành
15	Tháng 8	H01.02	Sở Tài chính	1,74	9,67	8,7	43,5	11,04	50,19	4,66	38,84	2	20	8,9	49,45	37,04	Yếu	Chưa hoàn thành
II			CẤP XÃ															
1	Tháng 8	H01.126	UBND xã Bình Mỹ	18	100	19,9	99,5	17,71	80,50	10	83,34	9,96	99,6	18	100,00	93,57	Xuất sắc	Hoàn thành
2	Tháng 8	H01.133	UBND xã Ba Chúc	18	100	19,96	99,8	17,71	80,50	10	83,34	9,5	95	18	100,00	93,17	Xuất sắc	Hoàn thành
3	Tháng 8	H01.147	UBND xã Nhơn Mỹ	18	100	19,92	99,6	17,74	80,64	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	92,91	Xuất sắc	Hoàn thành
4	Tháng 8	H01.196	UBND xã Vĩnh Bình	18	100	19,96	99,8	17,77	80,78	10	83,34	9,11	91,1	18	100,00	92,84	Xuất sắc	Hoàn thành
5	Tháng 8	H01.180	UBND xã Hòa Thuận	18	100	19,95	99,75	17,75	80,69	10	83,34	9,07	90,7	18	100,00	92,77	Xuất sắc	Hoàn thành
6	Tháng 8	H01.109	UBND Xã Nhơn Hội	18	100	19,94	99,7	17,53	79,69	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	92,72	Xuất sắc	Hoàn thành
7	Tháng 8	H01.112	UBND phường Tân Châu	18	100	19,66	98,3	17,69	80,41	10	83,34	9,36	93,6	18	100,00	92,71	Xuất sắc	Hoàn thành
8	Tháng 8	H01.192	UBND xã Văn Khánh	18	100	19,89	99,45	17,69	80,41	10	83,34	9,11	91,1	18	100,00	92,69	Xuất sắc	Hoàn thành
9	Tháng 8	H01.120	UBND xã Chợ Vàm	18	100	20	100	17,44	79,28	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	92,69	Xuất sắc	Hoàn thành
10	Tháng 8	H01.177	UBND xã Long Thạnh	18	100	19,97	99,85	17,37	78,96	10	83,34	9,35	93,5	18	100,00	92,69	Xuất sắc	Hoàn thành
11	Tháng 8	H01.129	UBND phường Tịnh Biên	18	100	19,92	99,6	17,13	77,87	10	83,34	9,59	95,9	18	100,00	92,64	Xuất sắc	Hoàn thành
12	Tháng 8	H01.167	UBND xã Bình Sơn	18	100	19,94	99,7	17,25	78,41	10	83,34	9,43	94,3	18	100,00	92,62	Xuất sắc	Hoàn thành
13	Tháng 8	H01.193	UBND xã U Minh Thượng	18	100	19,9	99,5	17,39	79,05	10	83,34	9,33	93,3	18	100,00	92,62	Xuất sắc	Hoàn thành
14	Tháng 8	H01.140	UBND xã Càn Đăng	18	100	19,85	99,25	17,08	77,64	10	83,34	9,67	96,7	18	100,00	92,6	Xuất sắc	Hoàn thành
15	Tháng 8	H01.111	UBND xã Phú Hữu	18	100	19,89	99,45	17,56	79,82	10	83,34	9,14	91,4	18	100,00	92,59	Xuất sắc	Hoàn thành
16	Tháng 8	H01.171	UBND xã Thạnh Lộc	18	100	19,84	99,2	17,45	79,32	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	92,54	Xuất sắc	Hoàn thành
17	Tháng 8	H01.182	UBND xã Định Hòa	18	100	19,92	99,6	17,13	77,87	10	83,34	9,46	94,6	18	100,00	92,51	Xuất sắc	Hoàn thành
18	Tháng 8	H01.187	UBND xã Đồng Thái	18	100	19,87	99,35	17,68	80,37	10	83,34	8,96	89,6	18	100,00	92,51	Xuất sắc	Hoàn thành
19	Tháng 8	H01.176	UBND xã Thanh Hưng	18	100	19,98	99,9	17,48	79,46	10	83,34	9,03	90,3	18	100,00	92,49	Xuất sắc	Hoàn thành
20	Tháng 8	H01.116	UBND xã Vĩnh Xương	18	100	19,92	99,6	16,62	75,55	10	83,34	9,88	98,8	18	100,00	92,42	Xuất sắc	Hoàn thành
21	Tháng 8	H01.113	UBND phường Long Phú	18	100	19,68	98,4	17,57	79,87	10	83,34	9,15	91,5	18	100,00	92,4	Xuất sắc	Hoàn thành
22	Tháng 8	H01.107	UBND xã An Phú	18	100	19,8	99	17,22	78,28	10	83,34	9,36	93,6	18	100,00	92,38	Xuất sắc	Hoàn thành
23	Tháng 8	H01.144	UBND xã Hội An	18	100	19,74	98,7	17,55	79,78	10	83,34	9,07	90,7	18	100,00	92,36	Xuất sắc	Hoàn thành
24	Tháng 8	H01.134	UBND xã Tri Tôn	18	100	19,46	97,3	17,47	79,41	10	83,34	9,35	93,5	18	100,00	92,28	Xuất sắc	Hoàn thành
25	Tháng 8	H01.124	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	18	100	19,73	98,65	17,26	78,46	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	92,24	Xuất sắc	Hoàn thành
26	Tháng 8	H01.104	UBND xã Mỹ Hòa Hưng	18	100	19,48	97,4	17,36	78,91	10	83,34	9,39	93,9	18	100,00	92,23	Xuất sắc	Hoàn thành
27	Tháng 8	H01.179	UBND xã Ngọc Chúc	18	100	20	100	16,72	76,00	10	83,34	9,5	95	18	100,00	92,22	Xuất sắc	Hoàn thành

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết		Số hóa hồ sơ		Cung cấp dịch vụ trực tuyến		Thanh toán trực tuyến		Mức độ hài lòng		TỔNG	LOẠI	Mục tiêu của UBND tỉnh tối thiểu 60% trong tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (đánh giá theo tỷ lệ tại Cột 10)
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 = 1+3 +5+7 +9+11	14	15
28	Tháng 8	H01.175	UBND xã Giồng Riềng	18	100	19,77	98,85	17,32	78,73	10	83,34	9,09	90,9	18	100,00	92,18	Xuất sắc	Hoàn thành
29	Tháng 8	H01.184	UBND xã Vĩnh Tuy	18	100	19,86	99,3	16,97	77,14	10	83,34	9,33	93,3	18	100,00	92,16	Xuất sắc	Hoàn thành
30	Tháng 8	H01.163	UBND xã Hòn Nghệ	18	100	20	100	16,75	76,14	10	83,34	9,39	93,9	18	100,00	92,14	Xuất sắc	Hoàn thành
31	Tháng 8	H01.138	UBND xã An Châu	18	100	19,96	99,8	16,92	76,91	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	92,13	Xuất sắc	Hoàn thành
32	Tháng 8	H01.165	UBND xã Sơn Kiên	18	100	19,93	99,65	17,37	78,96	10	83,34	8,83	88,3	18	100,00	92,13	Xuất sắc	Hoàn thành
33	Tháng 8	H01.142	UBND xã Vĩnh An	18	100	19,85	99,25	17,59	79,96	10	83,34	8,68	86,8	18	100,00	92,12	Xuất sắc	Hoàn thành
34	Tháng 8	H01.146	UBND xã Chợ Mới	18	100	19,96	99,8	17,31	78,69	10	83,34	8,83	88,3	18	100,00	92,1	Xuất sắc	Hoàn thành
35	Tháng 8	H01.137	UBND xã Vĩnh Gia	18	100	19,8	99	17,12	77,82	10	83,34	9,14	91,4	18	100,00	92,06	Xuất sắc	Hoàn thành
36	Tháng 8	H01.189	UBND xã Đông Hòa	18	100	19,78	98,9	17,05	77,50	10	83,34	9,15	91,5	18	100,00	91,98	Xuất sắc	Hoàn thành
37	Tháng 8	H01.164	UBND xã Hòn Đất	18	100	19,73	98,65	17,23	78,32	10	83,34	8,97	89,7	18	100,00	91,93	Xuất sắc	Hoàn thành
38	Tháng 8	H01.143	UBND xã Cù Lao Giêng	18	100	19,68	98,4	17,13	77,87	10	83,34	9,11	91,1	18	100,00	91,92	Xuất sắc	Hoàn thành
39	Tháng 8	H01.127	UBND xã Thanh Mỹ Tây	18	100	19,46	97,3	17,55	79,78	10	83,34	8,89	88,9	18	100,00	91,9	Xuất sắc	Hoàn thành
40	Tháng 8	H01.149	UBND xã Thoại Sơn	18	100	19,8	99	17,33	78,78	10	83,34	8,77	87,7	18	100,00	91,9	Xuất sắc	Hoàn thành
41	Tháng 8	H01.161	UBND xã Hòa Điền	18	100	19,53	97,65	17,25	78,41	10	83,34	9,11	91,1	18	100,00	91,89	Xuất sắc	Hoàn thành
42	Tháng 8	H01.181	UBND xã Gò Quao	18	100	19,87	99,35	16,97	77,14	10	83,34	9,04	90,4	18	100,00	91,88	Xuất sắc	Hoàn thành
43	Tháng 8	H01.198	UBND xã Giang Thành	18	100	19,81	99,05	17,21	78,23	10	83,34	8,83	88,3	18	100,00	91,85	Xuất sắc	Hoàn thành
44	Tháng 8	H01.199	UBND xã Vĩnh Điều	18	100	20	100	17,09	77,69	10	83,34	8,74	87,4	18	100,00	91,83	Xuất sắc	Hoàn thành
45	Tháng 8	H01.102	UBND phường Bình Đức	18	100	19,58	97,9	17,24	78,37	10	83,34	9	90	18	100,00	91,82	Xuất sắc	Hoàn thành
46	Tháng 8	H01.183	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	18	100	19,63	98,15	16,91	76,87	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	91,79	Xuất sắc	Hoàn thành
47	Tháng 8	H01.178	UBND xã Hòa Hưng	18	100	19,71	98,55	16,7	75,91	10	83,34	9,35	93,5	18	100,00	91,76	Xuất sắc	Hoàn thành
48	Tháng 8	H01.135	UBND xã Ô Lâm	18	100	18,74	93,7	17,22	78,28	10	83,34	9,79	97,9	18	100,00	91,75	Xuất sắc	Hoàn thành
49	Tháng 8	H01.190	UBND xã Tân Thạnh	18	100	19,94	99,7	16,91	76,87	10	83,34	8,88	88,8	18	100,00	91,73	Xuất sắc	Hoàn thành
50	Tháng 8	H01.150	UBND xã Ốc Eo	18	100	19,77	98,85	15,89	72,23	10	83,34	9,88	98,8	18	100,00	91,54	Xuất sắc	Hoàn thành
51	Tháng 8	H01.172	UBND xã Tân Hiệp	18	100	19,08	95,4	17,35	78,87	10	83,34	9,09	90,9	18	100,00	91,52	Xuất sắc	Hoàn thành
52	Tháng 8	H01.105	UBND phường Châu Đốc	18	100	19,05	95,25	16,72	76,00	10	83,34	9,73	97,3	18	100,00	91,5	Xuất sắc	Hoàn thành
53	Tháng 8	H01.139	UBND xã Bình Hòa	18	100	19,21	96,05	16,93	76,96	10	83,34	9,36	93,6	18	100,00	91,5	Xuất sắc	Hoàn thành
54	Tháng 8	H01.123	UBND xã Mỹ Đức	18	100	19,4	97	16,42	74,64	10	83,34	9,67	96,7	18	100,00	91,49	Xuất sắc	Hoàn thành
55	Tháng 8	H01.110	UBND xã Khánh Bình	18	100	19,92	99,6	16,19	73,60	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	91,36	Xuất sắc	Hoàn thành
56	Tháng 8	H01.141	UBND xã Vĩnh Hanh	18	100	19,76	98,8	16,01	72,78	10	83,34	9,56	95,6	18	100,00	91,33	Xuất sắc	Hoàn thành
57	Tháng 8	H01.106	UBND phường Vĩnh Tế	18	100	19,36	96,8	16,33	74,23	10	83,34	9,54	95,4	18	100,00	91,23	Xuất sắc	Hoàn thành
58	Tháng 8	H01.191	UBND xã Đông Hưng	18	100	19,88	99,4	16,68	75,82	10	83,34	8,63	86,3	18	100,00	91,19	Xuất sắc	Hoàn thành
59	Tháng 8	H01.108	UBND xã Vĩnh Hậu	18	100	19,89	99,45	15,94	72,46	10	83,34	9,36	93,6	18	100,00	91,19	Xuất sắc	Hoàn thành
60	Tháng 8	H01.114	UBND xã Tân An	18	100	19,9	99,5	16,11	73,23	10	83,34	9,15	91,5	18	100,00	91,16	Xuất sắc	Hoàn thành
61	Tháng 8	H01.169	UBND xã Châu Thành	18	100	18,66	93,3	16,9	76,82	10	83,34	9,5	95	18	100,00	91,06	Xuất sắc	Hoàn thành
62	Tháng 8	H01.136	UBND xã Cỏ Tô	18	100	19,91	99,55	15,15	68,87	10	83,34	10	100	18	100,00	91,06	Xuất sắc	Hoàn thành
63	Tháng 8	H01.118	UBND xã Phú An	18	100	19,97	99,85	15,82	71,91	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	91,04	Xuất sắc	Hoàn thành
64	Tháng 8	H01.151	UBND xã Định Mỹ	18	100	19,75	98,75	15,89	72,23	10	83,34	9,39	93,9	18	100,00	91,03	Xuất sắc	Hoàn thành
65	Tháng 8	H01.194	UBND xã Vĩnh Hòa	18	100	19,41	97,05	16,79	76,32	10	83,34	8,78	87,8	18	100,00	90,98	Xuất sắc	Hoàn thành
66	Tháng 8	H01.103	UBND phường Mỹ Thới	18	100	19,53	97,65	16,18	73,55	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	90,96	Xuất sắc	Hoàn thành
67	Tháng 8	H01.117	UBND xã Phú Tân	18	100	19,94	99,7	15,64	71,10	10	83,34	9,36	93,6	18	100,00	90,94	Xuất sắc	Hoàn thành
68	Tháng 8	H01.115	UBND xã Châu Phong	18	100	19,88	99,4	15,8	71,82	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	90,93	Xuất sắc	Hoàn thành
69	Tháng 8	H01.121	UBND xã Hòa Lạc	18	100	19,98	99,9	15,78	71,73	10	83,34	9,15	91,5	18	100,00	90,91	Xuất sắc	Hoàn thành
70	Tháng 8	H01.156	UBND phường Vĩnh Thông	18	100	19,68	98,4	15,96	72,55	10	83,34	9,25	92,5	18	100,00	90,89	Xuất sắc	Hoàn thành
71	Tháng 8	H01.148	UBND xã Long Kiên	18	100	19,68	98,4	15,85	72,05	10	83,34	9,35	93,5	18	100,00	90,88	Xuất sắc	Hoàn thành
72	Tháng 8	H01.157	UBND phường Hà Tiên	18	100	19,79	98,95	16,09	73,14	10	83,34	9	90	18	100,00	90,88	Xuất sắc	Hoàn thành
73	Tháng 8	H01.162	UBND xã Sơn Hải	18	100	20	100	16,01	72,78	10	83,34	8,83	88,3	18	100,00	90,84	Xuất sắc	Hoàn thành
74	Tháng 8	H01.145	UBND xã Long Điền	18	100	19,93	99,65	15,9	72,28	10	83,34	8,96	89,6	18	100,00	90,79	Xuất sắc	Hoàn thành
75	Tháng 8	H01.153	UBND xã Vĩnh Trạch	18	100	18,29	91,45	17,4	79,10	10	83,34	9,07	90,7	18	100,00	90,76	Xuất sắc	Hoàn thành
76	Tháng 8	H01.188	UBND xã An Minh	18	100	19,53	97,65	16,33	74,23	10	83,34	8,83	88,3	18	100,00	90,69	Xuất sắc	Hoàn thành
77	Tháng 8	H01.168	UBND xã Bình Giang	18	100	18,24	91,2	17,06	77,55	10	83,34	9,36	93,6	18	100,00	90,66	Xuất sắc	Hoàn thành
78	Tháng 8	H01.158	UBND phường Tô Châu	18	100	18,86	94,3	16,84	76,55	10	83,34	8,88	88,8	18	100,00	90,58	Xuất sắc	Hoàn thành
79	Tháng 8	H01.122	UBND xã Phú Lâm	18	100	19,33	96,65	16,31	74,14	10	83,34	8,83	88,3	18	100,00	90,47	Xuất sắc	Hoàn thành
80	Tháng 8	H01.166	UBND xã Mỹ Thuận	18	100	19,33	96,65	15,94	72,46	10	83,34	9,17	91,7	18	100,00	90,44	Xuất sắc	Hoàn thành

Stt	Tuần trong năm/ Tháng	Mã Cơ quan	Tên đơn vị	Công khai, minh bạch		Tiến độ, kết quả giải quyết		Số hóa hồ sơ		Cung cấp dịch vụ trực tuyến		Thanh toán trực tuyến		Mức độ hài lòng		TỔNG	LOẠI	Mục tiêu của UBND tỉnh tối thiểu 60% trong tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (đánh giá theo tỷ lệ tại Cột 10)
				Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 20 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 22 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 12 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 10 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG*	Điểm quy đổi (tỷ lệ 100% được 18 điểm)	Tỷ lệ % trên Công DVC QG			
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13 = 1+3 +5+7 +9+11	14	15
81	Tháng 8	H01.197	UBND xã Vĩnh Phong	18	100	19,82	99,1	15,92	72,37	10	83,34	8,69	86,9	18	100,00	90,43	Xuất sắc	Hoàn thành
82	Tháng 8	H01.132	UBND xã Núi Cấm	18	100	19,82	99,1	15,39	69,96	10	83,34	9,14	91,4	18	100,00	90,35	Xuất sắc	Hoàn thành
83	Tháng 8	H01.159	UBND xã Tiên Hải	18	100	19,85	99,25	15,33	69,69	10	83,34	9,11	91,1	18	100,00	90,29	Xuất sắc	Hoàn thành
84	Tháng 8	H01.154	UBND xã Tây Phú	18	100	19,96	99,8	15,18	69,00	10	83,34	9,11	91,1	18	100,00	90,25	Xuất sắc	Hoàn thành
85	Tháng 8	H01.119	UBND xã Bình Thạnh Đông	18	100	20	100	15,07	68,50	10	83,34	9,14	91,4	18	100,00	90,21	Xuất sắc	Hoàn thành
86	Tháng 8	H01.128	UBND phường Thới Sơn	18	100	19,23	96,15	15,79	71,78	10	83,34	9,17	91,7	18	100,00	90,19	Xuất sắc	Hoàn thành
87	Tháng 8	H01.173	UBND xã Thạnh Đông	18	100	19,94	99,7	15,07	68,50	10	83,34	9,03	90,3	18	100,00	90,04	Xuất sắc	Hoàn thành
88	Tháng 8	H01.101	UBND phường Long Xuyên	18	100	17,99	89,95	16,82	76,46	10	83,34	9,13	91,3	18	100,00	89,94	Tốt	Hoàn thành
89	Tháng 8	H01.195	UBND xã Vĩnh Thuận	18	100	19,85	99,25	15,07	68,50	10	83,34	9	90	18	100,00	89,92	Tốt	Hoàn thành
90	Tháng 8	H01.131	UBND phường Chi Lăng	18	100	19,48	97,4	15,4	70,00	10	83,34	8,96	89,6	18	100,00	89,84	Tốt	Hoàn thành
91	Tháng 8	H01.186	UBND xã Tây Yên	18	100	19,87	99,35	14,53	66,05	10	83,34	9,04	90,4	18	100,00	89,44	Tốt	Hoàn thành
92	Tháng 8	H01.152	UBND xã Phú Hòa	18	100	18,96	94,8	15,32	69,64	10	83,34	9,14	91,4	18	100,00	89,42	Tốt	Hoàn thành
93	Tháng 8	H01.174	UBND xã Tân Hội	18	100	19,96	99,8	17,65	80,23	10	83,34	5,76	57,6	18	100,00	89,37	Tốt	Chưa hoàn thành
94	Tháng 8	H01.125	UBND xã Châu Phú	18	100	19,6	98	14,84	67,46	10	83,34	8,75	87,5	18	100,00	89,19	Tốt	Hoàn thành
95	Tháng 8	H01.160	UBND xã Kiên Lương	18	100	19,13	95,65	14,95	67,96	10	83,34	9	90	18	100,00	89,08	Tốt	Hoàn thành
96	Tháng 8	H01.185	UBND xã An Biên	18	100	19,96	99,8	14,09	64,05	10	83,34	8,94	89,4	18	100,00	88,99	Tốt	Hoàn thành
97	Tháng 8	H01.130	UBND xã An Cư	18	100	17,28	86,4	16,07	73,05	10	83,34	9,04	90,4	17,76	98,67	88,15	Tốt	Hoàn thành
98	Tháng 8	H01.170	UBND xã Bình An	18	100	19,73	98,65	17,51	79,60	10	83,34	4,72	47,2	18	100,00	87,96	Tốt	Chưa hoàn thành
99	Tháng 8	H01.200	UBND Đặc khu Kiên Hải	18	100	19,78	98,9	17,92	81,46	10	83,34	3,24	32,4	18	100,00	86,94	Tốt	Chưa hoàn thành
100	Tháng 8	H01.155	UBND phường Rạch Giá	18	100	19,27	96,35	14,94	67,91	10	83,34	5,43	54,3	18	100,00	85,64	Tốt	Chưa hoàn thành
101	Tháng 8	H01.202	UBND Đặc khu Thổ Châu	18	100	17,89	89,45	10,28	46,73	9,4	78,34	8,42	84,2	17,96	99,78	81,95	Tốt	Hoàn thành
102	Tháng 8	H01.201	UBND Đặc khu Phú Quốc	18	100	15,94	79,7	14,03	63,78	10	83,34	3,78	37,8	17,31	96,17	79,06	Khá	Chưa hoàn thành